**Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành sắc thái các vùng văn hóa ở Việt Nam**

*Th.S Lê Thị Thanh Giao\**

**Tóm tắt:**

Khi nói tới văn hóa Việt Nam, người ta thường nhắc tới tính thống nhất trong sự đa dạng. Việc phân vùng văn hóa Việt Nam là cách tiếp cận văn hóa Việt Nam về phương diện không gian, dựa trên các yếu tố tác động gồm những điều kiện về tự nhiên, dân cư, xã hội và lịch sử đã tạo nên các sắc thái văn hóa trên mỗi khu vực lãnh thổ ở Việt Nam. Trong phân vùng văn hóa (tiểu vùng văn hóa), cần có sự tập hợp đầy đủ các yếu tố. Càng tập hợp được nhiều yếu tố thì càng có tiền đề và điều kiện tốt nhất để phân vùng văn hóa một cách chính xác hơn.

**Nội dung**

**1. Định nghĩa về vùng văn hóa**

Do quá trình hình thành các dân tộc và sự phân bố dân cư, do điều kiện thiên nhiên – địa lý và phương thức sản xuất, do truyền thống tín ngưỡng và tập tục lâu đời… trên đất nước ta đã hình thành nên các vùng văn hóa khác nhau*. “Tuy khác nhau về những đặc điểm tâm lý, hình thái và loại hình văn hóa – nghệ thuật, cách ứng xử với tự nhiên và xã hội, nếp sống vật chất và tinh thần, nhưng các vùng văn hóa trong một quốc gia đều có chung một cội nguồn dân tộc, một sắc thái dân tộc, một lịch sử vinh quang hay đau đớn trong tiến trình bảo vệ và xây dựng đất nước”*[[1]](#footnote-1). Các vùng văn hóa thống nhất trong cái chung của văn hóa dân tộc và thể hiện sự đa dạng trong cái riêng của mỗi khu vực về không gian văn hóa trong một đất nước. Để nghiên cứu về những không gian văn hóa đó thì cần phải phân vùng văn hóa. Theo Giáo sư Ngô Đức Thịnh, *“vùng văn hóa là một vùng lãnh thổ có những tương tương đồng về hoàn cảnh tự nhiên, dân cư sinh sống ở đó từ lâu đã có những mối quan hệ về nguồn gốc và lịch sử, có những tương đồng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, giữa họ đã diễn ra những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa qua lại, nên trong vùng đã hình thành những đặc trưng chung, thể hiện trong sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần của cư dân, có thể phân biệt với vùng văn hóa khác”*[[2]](#footnote-2). Tiến sĩ Huỳnh Công Bá cho rằng *“vùng văn hóa là một không gian văn hóa được tạo thành bởi các đơn vị địa lý – dân cư địa phương kế nhau; ở đó có một tập hợp các cơ cấu và đặc trưng văn hóa được hình thành trên cơ sở sự tương đồng về quan hệ nguồn gốc và lịch sử. Đó là một hệ thống các dạng thức văn hóa mang đậm sắc thái tâm lý cộng đồng, thể hiện trong sinh hoạt, trong ngôn ngữ, trong thái độ đối với di sản các giá trị tinh thần, trong sự cảm thụ và phương thức nghệ thuật, trong phong thái ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với môi trường”*[[3]](#footnote-3). Có thể nói, vùng văn hóa chính là kết quả phát triển cụ thể và có tính địa phương của nền văn hóa một quốc gia thống nhất.

**2.** **Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành bản sắc các vùng văn hóa ở Việt Nam**

Để tạo nên một vùng văn hóa (hay tiểu vùng văn hóa) thường có nhiều nhân tố tác động. Ở đây tôi chia thành 2 nhóm yếu tố:

**2.1 Nhóm yếu tố quyết định**

Đó là yếu tố về địa lý, điều kiện tự nhiên như địa hình, sinh thái, khí hậu; những đặc điểm về tộc người của cư dân; những đặc điểm về cư trú, canh tác, ngành nghề, những đặc điểm về quá trình phát triển xã hội... Hay nói cách khác, đó là những yếu tố về tự nhiên – khí hậu – cư dân – tộc người, sản xuất kinh tế, đời sống vật chất, truyền thống lịch sử- xã hội.

*Thứ nhất là yếu tố môi trường tự nhiên.* Đây là yếu tố giữa vài trò tiên quyết trong việc hình thành nên sắc thái văn hóa vùng ở nước ta. Điều kiện tự nhiên hình thành nêncác hoạt động sản xuất của dân cư*.* Chính môi trường đồng bằng, miền núi, cao nguyên, duyên hải, cùng với các hoạt động kinh tế như săn bắt, hái lượm, làm nương rẫy, đánh cá, là ruộng nước… đã quy định và để lại dấu ấn đậm nét trong đời sống văn hóa và các sắc thái văn hóa của từng khu vực. Chẳng hạn, hò Huế là sinh hoạt nghệ thuật gắn liền với môi trường sông nước và cảnh sắc sơn thủy hữu tình kỳ thú nơi đây; hay ví phường vải được ra đời là từ hoạt động trồng bông dệt vải của người dân xứ Nghệ; hoặc nghệ thuật hát chèo là sản phẩm của đồng quê ruộng lúa vùng hạ lưu sông Hồng; nghệ thuật múa rối nước là loại hình trò diễn dân gian độc đáo gắn liền với vùng chiêm trũng của xứ Sơn Nam hạ (ngoài ra thì môi trường chiêm trũng này cũng là tác nhân kích thích sự ra đời và phát triển của nhiều nghề thủ công truyền thống nơi đây)… Trong mỗi vùng văn hóa có thể có một số tiểu môi trường cảnh quan (như đồng bằng, biển, đồi núi) và kèm theo đó là những hoạt động sản xuất khác nhau, tuy nhiên trong đó vẫn thấy loại cảnh quan và hoạt động sản xuất nào đó là chủ đạo. *“Dù sao thì những quy định và ảnh hưởng của môi trường và hoạt động sản xuất đối với đời sống văn hóa cũng chỉ là gián tiếp và là một trong những nhân tố tác động mà thôi”*[[4]](#footnote-4).

*Thứ hai là yếu tố ngồn gốc và lịch sử*. Bởi có không ít trường hợp, cư dân sinh sống trong một vùng vì có cùng một nguồn gốc lịch sử nên giữa họ vẫn giữ lại những tương đồng về mặt văn hóa mang tính chất bền vững. Chẳng hạn, người Kinh ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ là di duệ trực tiếp của những người Việt cổ, là chủ nhân của văn hóa Đông Sơn, là nơi hình thành quốc gia cổ đại Văn Lang – Âu Lạc, rồi sau đó là quá trình tiếp xúc với văn hóa Hán và Ấn Độ, nơi tồn tại và phát triển của nền văn minh Thăng Long trong suốt thời kỳ phong kiến tự chủ… Nhân tố nguồn gốc và lịch sử đó đã góp phần đáng kể, tạo nên sự thống nhất của văn hóa vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Hoặc ở khu vực Tây Nguyên hiện có trên 20 tộc người bản địa cùng sinh sống, trong đó có nhiều tộc người gắn bó về quan hệ nguồn gốc lịch sử lâu đời. Quá trình tộc người ở đây đang tiếp tục diễn ra theo hướng hoặc là từ cộng đồng lớn phân hóa thành nhiều nhóm địa phương, hoặc là các nhóm kế cận dần dần hòa hợp vào dân tộc lớn, nên tính thống nhất văn hóa ở đây rất rõ nét.

*Thứ ba là yếu tố tộc người và ngôn ngữ.* Có thể nói, yếu tố *tộc người*, và cùng với nó là *ngôn ngữ*, có một vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành các vùng văn hóa. Tuy nhiên, do vùng văn hóa được hình thành và tồn tại là kết quả tác động của nhiều nhân tố tự nhiên, xã hội và lịch sử, trong đó quan hệ giao lưu, ảnh hưởng qua lại có vai trò quan trọng hàng đầu, nên trong một vùng văn hóa không nhất thiết chỉ có một tộc người mà có thể có nhiều tộc người cùng sinh sống (ví dụ tại các vùng núi Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên ở Việt Nam); ngược lại, một số tộc người có thể thuộc về nhiều vùng văn hóa khác nhau (ví dụ như tộc người Việt ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ). Tất nhiên, trong trường hợp một vùng văn hóa chỉ có một tộc người duy nhất sinh sống thì tính chất thống nhất văn hóa của nó đã hiện hữu ngay từ trong cội nguồn tộc người. Còn nếu trong một vùng mà có nhiều dân tộc cùng sinh sống với nhau thì tạo nên những đặc trưng văn hóa chung của vùng, trong quá trình lịch sử, giữa các tộc người đó phải có những mối quan hệ giao lưu, ảnh hưởng sống động được diễn ra. Do đó, khi nói tới văn hóa vùng ta có thể không nói đến yếu tố tộc người, nhưng khi nói tới những tiểu vùng mang dấu ấn văn hóa tộc người thì đó cũng chỉ là có ý nhấn mạnh đến tính chất nổi trội trong khu vực mà thôi, chứ đó không phải là yếu tố duy nhất. Ngoài ra, cũng cần nói đến yếu tố *ngôn ngữ* trong việc hình thành các vùng văn hóa dân gian. Ngôn ngữ là phương tiện để sáng tạo và chuyển tải văn hóa, nhất là văn hóa dân gian. *“Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, để tạo nên tính thống nhất của các loại hình và đặc trưng văn hóa thì ngôn ngữ không nhất thiết là hàng rào không thể vượt qua nổi”*[[5]](#footnote-5). Do đó, ở các dân tộc khác nhau, họ nói những ngôn ngữ khác nhau cũng vẫn có thể có cùng một văn hóa chung, được thể hiện trong các huyền thoại, cổ tích, trong lễ nghi, tín ngưỡng, trong kiến trúc và trang trí, trong tư duy và tri thức dân gian, trong nhạc cụ và giai điệu… Nhưng mặt khác, trong mỗi vùng, khi có nhiều dân tộc cùng sinh sống đan xen, thì ở đó thường nảy sinh khuynh hướng lấy ngôn ngữ của các dân tộc có số dân đông nhất và trình độ phát triển cao nhất làm ngôn ngữ giao tiếp chung. Đó là trường hợp tiếng Việt ở nhiều vùng trong nước, tiếng Thái ở tiểu vùng Tây Bắc, tiếng Tày – Nùng ở tiểu vùng Việt Bắc, tiếng Êđê ở tiểu vùng Trung Tây Nguyên, tiếng Bana ở tiểu vùng Bắc Tây Nguyên… Do sự lan tỏa của ngôn ngữ à ở những khu vực này, các hiện tượng văn hóa cũng có sự khuếch tán theo, tạo nên mối dây giao lưu, ảnh hưởng giữa các tộc người. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, các motif huyền thoại suy nguyên như truyện quả bầu mẹ, truyện trứng thần, truyện về chó đẻ người…đều không phải là của riêng một dân tộc nào, mà chúng đều chứa đựng những đặc trưng chung của cả vùng.

*Thứ tư là yếu tố* *trình độ phát triển kinh tế - xã hội* cũng góp phần quy định các đặc trưng văn hóa vùng và tiểu vùng. Trước hết phải nói tới cơ chế sáng tạo và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa chịu sự quy định trực tiếp của trình độ phát triển xã hội. Ví dụ, ở Tây Nguyên, các tộc người còn ở trình độ phát triển tiền giai cấp, nên văn hóa Tây Nguyên mang tính cộng đồng rất cao, kể cả về mặt sáng tạo và hưởng thụ. Điều này đã ảnh hưởng tới các hình thức lễ hội, sinh hoạt diễn kể khan và lưu truyền khan, cũng như các hình thức sinh hoạt dân gian khác như cưới xin, ma chay… Trong khi đó, cũng là ở khu vực miền núi nhưng xã hội người Tày và người Thái ở Việt Bắc và Tây Bắc vì đã bước vào giai đoạn đầu của xã hội có giai cấp, nên những sáng tạo và hưởng thụ văn hóa không còn mang tính cộng đồng cao như ở vùng Tây Nguyên. “Bởi vì ở đây đã có vai trò tác động và can thiệp của các trí thức người dân tộc, cũng như các chúa đất và thổ ty, lang đạo, những tầng lớp trên trong xã hội đối với quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Những người này đã góp phần “gia công” và “nâng cao” đối với những sản phẩm văn hóa dân gian, khiến cho nó mất đi những yếu tố hồn nhiên, dân dã và tính cộng đồng cao”[[6]](#footnote-6). Nhà dân tộc học Tử Chi cho rằng, mo Mường mà ta biết hiện nay là sản phẩm văn hóa của giới quý tộc Mường trên cơ sở của sự nâng cao đối với văn hóa dân gian Mường. Còn đối với người Kinh, do trình độ xã hội đã phong kiến hóa cao nên trong bản thân văn hóa dân tộc đã hình thành nên hai dòng văn hóa rõ rệt: văn hóa dân gian và văn hóa cung đình – bác học. trình độ xã hội còn ảnh hưởng tới trình độ tư duy văn hóa – nghệ thuật của dân cư trong vùng và đã hình thành nên các hình tượng và biểu tượng văn hóa. Chẳng hạn, hình tượng đá vọng phu là có tính phổ biến ở người Kinh song lại xa lạ đối với những người Tày – Nùng, dù các di tích này lại nằm ngay trên địa bàn của họ*. “Trình độ xã hội cũng có những ảnh hưởng đến tư duy nhận thức và chúng để lại nhưng dấu ấn đặc trưng trong văn hóa vùng. Chẳng hạn, tư duy ở trình độ thần bí và điềm mộng đã có ảnh hưởng nhiều tới các sắc thái và đặc trưng văn hóa của các dân tộc ở Tây Nguyên. Hay tư duy vũ trụ luận nguyên sơ kiểu âm dương (lưỡng phân – lưỡng hợp) đã để lại những dấu ấn rõ nét trong nhiều hiện tượng văn hóa của các tộc người ở nước ta…”[[7]](#footnote-7)*

**2.2 Nhóm yếu tố biểu hiện**

Đó là những biểu hiện văn hóa của vùng (hay tiểu vùng), mà trên các biểu hiện đó có những dấu hiệu của sắc thái khác biệt của chúng. Những yếu tố này có thể có rất nhiều, nhưng tạm khái quát ở mấy yếu tố sau đây: đó là lối sống và phong tục tập quán; nghệ thuật (mà chủ yếu là nghệ thuật dân gian) bao gồm âm nhạc, hội họa, kiến trúc, ca mua, sân khấu...; ngôn ngữ và văn học (chủ yếu là văn học dân gian); sự giao lưu văn hóa giữa nội và ngoại vùng, sự tương tác giữa văn hóa dân gian và văn hóa bác học; vai trò tinh hoa của trung tâm và sự khuếch tán của nó đối với vùng (hay tiểu vùng), tạo nên sự đồng nhất và sắc thái vượt trội của vùng (hay tiểu vùng)... Tất cả những yếu tố biểu hiện trên đây đều được bộc lộ ra trong tính cách, tâm lý, nếp sống của cư dân địa phương. Nói tóm lại, đó là những yếu tố thuộc về phong tục- lối sống, giao lưu văn hóa, sinh hoạt tinh thần, ngôn ngữ - nghệ thuật. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất là yếu tố giao lưu - ảnh hưởng văn hóa* giữa các dân tộc, giữa các cư dân nội và ngoại vùng. Càng ngày người ta càng có thêm nhiều tư liệu để chứng minh về quan hệ giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các dân tộc và khu vực. Chúng xuất hiện từ rất sớm, ngay trong xã hội nguyên thủy, và đã có vai trò rất to lớn đối với sự hình thành và phát triển của văn hóa nhân loại. chẳng hạn, để tạo nên sắc thái văn hóa vùng ở Nam Bộ thì buộc phải trải qua nhiều thế kỷ tại nơi đây diễn ra quá trình giao lưu, ảnh hưởng qua lại giữa người Kinh với người Khmer, người Hoa và người Chăm. Từ đó, nhiều hiện tượng hay motif văn hóa đã dần dần trở thành kho vốn chung của cả vùng. Ở vùng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ thì quá trình giao lưu văn hóa Việt – Chăm cũng đã diễn ra khá sâu sắc, khiến cho không ít bộ phận dân cư Chăm đã bị Việt hóa hay ngược lại. Chẳng hạn, hiện tượng thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na ở Huế và Nam Trung Bộ là hiện tượng hỗn dung văn hóa Việt – Chăm giữa Thánh Mẫu Liễu Hạnh của người Việt và Thần Mẹ Xứ Sở Pô Inư Nưgar của người Chăm; hoặc nhiều làn điệu dân ca ở miền Trung là kết quả của sự giao lưu tiếp biến dân ca Việt – Chăm; hay chiếc cày Chăm đã trở thành chiếc cày Khu V của người Kinh; con thuyền biển brau của cư dân Champa xưa kia đã trở thành chiếc ghe bầu của cư dân Quảng Nam – Đà Nẵng… Tiểu vùng văn hóa xứ Lạng cũng là một ví dụ khá tiêu biểu về sự giao lưu giữa nội vùng và ngoại vùng. Dân tộc Tày và Nùng ở đây vốn xưa kia cũng một gốc, sau phân thành hai tộc người khác nhau, nhưng ngày nay vì cùng chung sống trên một địa bàn địa lý nên giữa họ lại đang diễn ra quá trình thống nhất hội tụ văn hóa với nhau. Và là những tộc người chiếm đa số trong dân cư của vùng nên họ có những ảnh hưởng đáng kể đến các dân tộc ít người khác ở trong vùng. Ngoài ra, đồng bào Tày, Nùng còn sớm tiếp xúc với người Kinh ở phía Nam, với người Hoa ở phía Bắc, nên ở họ đã diễn ra quá trình hỗn dung về chủng tộc và văn hóa với các dân tộc Kinh, Hoa. Bên cạnh đó còn có một bộ phận người Kinh từ vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ di cư lên đây vào những thời kỳ lịch sử khác nhau và về sau họ đã bị Tày hóa. Chính quá trình giao lưu, ảnh hưởng sống động ở vùng cửa ngõ biên giới phía Bắc này đã tạo nên các sắc thái văn hóa đặc trưng của tiểu vùng văn hóa xứ Lạng. Hoặc tiểu vùng văn hóa Thăng Long – Hà Nội đã được hình thành từ kế quả của quá trình giao lưu, ảnh hưởng rộng rãi và lâu dài giữa nội và ngoại vùng, giữa trong nước và quốc tế. Với tư cách là một trung tâm đầu não của cả nước về chính trị và kinh tế từ hơn một nghìn năm nay, Thăng Long – Hà Nội đã trở thành một trung tâm thu hút các tinh hoa, thành tựu và nhân tài của mọi miền đất nước, để từ đó chắt lọc, nâng cao các giá trị văn hóa của bốn phương, nhằm tạo ra những đặc trưng và đỉnh cao của văn hóa quốc gia – dân tộc, và rồi đã ảnh hưởng trở lại với mọi miền đất nước. Hơn thế nữa, Thăng Long – Hà Nội còn là cửa ngõ, trung tâm giao lưu với thế giới bên ngoài, từ phương Bắc xuống, từ phương Nam lên và sau này là từ phương Tây lại, đã tạo nên mối giao hòa giữa văn hóa Việt Nam với thế giới bên ngoài. Tất cả những gì là đặc trung của văn hóa tiểu vùng Thăng Long – Hà Nội phần lớn đều là kết quả của quá trình giao lưu đa chiều ấy. Khi xem xét các vùng thể loại văn hóa ta cũng cần lưu ý tới các nhân tố giao lưu, ảnh hưởng. Chẳng hạn, khi nghiên cứu vùng âm nhạc cồng chiêng Tây Nguyên, ta không thể không lưu ý tới sự giao lưu giữa Tây Nguyên với các vùng xunh quanh như miền Trung Việt Nam, và cả với Lào, Campuchia, bởi đó là những nơi mà khi xưa sản xuất ra cồng chiêng để bán cho Tây Nguyên. Khi xem xét vùng diễn kể khan của người Êđê và akha juka của người Raglai, người ta cùng không thể không lưu ý tới những ảnh hưởng của văn hóa Chăm. Cũng như, khi nghiên cứu về loại hình dân ca Trung và Nam Trung Bộ, người ta không thể không lưu ý tới sự giao lưu Việt – Chăm… *“Tuy nhiên, khi nói tới yếu tố giao lưu - ảnh hưởng, ta không nên quá cực đoan đến mức quy tất cả sự tiến bộ của văn hóa một vùng nào đó là do sự phát tán văn hóa từ một trung tâm văn hóa khác, mà phủ nhận đi tính chủ động sáng tạo của địa phương và của dân tộc. Đồng thời, chúng ta cũng cần tránh một phía cực đoan là quá nhấn mạnh vai trò của yếu tố bản địa mà đi đến phủ nhận sự giao lưu, ảnh hưởng của văn hóa giữa các vùng và các tộc người”[[8]](#footnote-8).*

*Thứ hai là vai trò của yếu tố các trung tâm kinh tế - chính trị - xã hội.* Trong các nhân tố tạo nên vùng văn hóa và tiểu vùng văn hóa ta cần coi trọng vai trò của các trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, “*ở đây không nên cực đoan tới mức sa vào cái gọi là “chủ nghĩa trung tâm” (centrisme) của lý thuyết “khuếch tán văn hóa”, hay “vòng văn hóa”, nhưng đồng thời cũng không được xem nhẹ vai trò của trung tâm trong việc tạo lập nên các giá trị văn hóa. Quy luật phát triển kinh tế xã hội cũng như văn hóa không bao dàn đều, mà chúng thường là từ các trung tâm, rồi sau đó lan tỏa và phổ biến rộng ở các nơi khác xung quanh. Chính các trung tâm thường là nơi phát sinh, nâng cao, tiếp nhận các giá trị và tinh hoa văn hóa của bốn phương, rồi từ đó lan tỏa đi khắp nơi theo đúng quy luật lan truyền văn hóa”*[[9]](#footnote-9). Nhưng trung tâm phải là những nơi có các điều kiện phát triển kinh tế, chính trị - xã hội, và là đầu mối giao lưu, nơi tâp trung những trí thức và nhân tài… Khái niệm “trung tâm” ở đây có thể hiểu là một vùng, một tiểu vùng, một đô thị xa xưa hay một lỵ sở của chính quyền, một thương cảng, một học phái, một gia tộc, và thậm chí là một cá nhân… Chẳng hạn, khi nhắc tới tiểu cùng văn hóa Kinh Bắc (Bắc Ninh – Bắc Giang) người ta không thể không nói tới trung tâm văn hóa cổ Long Biên và Luy Lâu, hoặc khi nói tới tiểu vùng văn hóa Thăng Long – Hà Nội thì không thể không nói tới Thăng Long 36 phố phường, hay khi nói tới tiểu vùng văn hóa Bình - Trị - Thiên thì không thể không nói tới khu vực kinh thành Huế, khi nói về vùng văn hóa Nam Bộ thì không thể không nói tới Sài Gòn – Bến Nghé, khi nói tới xứ Lạng thì phải nói tới Lạng Sơn – Đoàn Thành, khi nói về xứ Quảng thì phải quan tâm đến Hội An và Đà Nẵng, khi nói đến xứ Sơn Nam thì nhắc đến Trường Yên – Thiên Định, khi nói đến văn học bác học ở Gia Định người ta phải nói đến Gia Định tam gia, khi nói đến hát bội ở Bình Định người ta phải nhắc đến Đào Duy Từ, khi nói đến văn chương bác học ở Nam Bộ, người ta phải nói đến thầy giáo Võ Trường Toản, khi nói đến văn học bác học ở miền Tây Nam Bộ người ta nói đến Mạc Thiên Tích… Với từng thể loại văn hóa – văn nghệ, người ta cũng có thể tìm thấy các trung râm xuất phát và tiêu biểu như: chèo Thái Bình, quan họ Bắc Ninh, hát văn Nam Định, hát xoan Phú Thọ, ca nhạc thính phòng Huế, hò lý Trị - Thiê, hò khoan Quảng Nam, bài chòi Bình Định, rối nước Làng Nguyễn (Thái Bình), vật võ Tây Sươn (Bình Định)… Việc phát triển và phổ biến một số loại hình nghệ thuật dân tộc nhiều khi còn gắn liền với một số nghệ nhân tiêu biểu như cải lương Nam Bộ thì có Năm Châu, Bảy Nhiêu, Tam Danh, Ba Du, Ba Vân, ca vọng cổ thì phải nói đến Cao Văn Lầu, tuồng Bình Định thì phải nói đến cụ Đào Tấn, chèo văn minh thì phải nói đến cụ Nguyễn Đình Nghị, nghệ thuật hát nói thì phải nói đến cụ Nguyễn Công Trứ…

*Thứ ba là yếu tố đời sống vật chất và tinh thần.* Về các biểu hiện của vùng văn hóa (hay tiểu vùng văn hóa), nhìn chung, chúng mang tính đa vẻ và được thể hiện trên toàn bộ các mặt của đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân cư trong vùng. Tuy nhiên, trong đó đặc trưng nổi bật hơn cả vẫn là ở lối sống, nếp sống của cư dân (như việc làm lụng, đi lại, ăn mặc, giao tiếp, nếp vui chơi giải trí, phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng, hội hè..); các hoạt động văn hóa – nghệ thuật, nhất là văn hóa nghệ thuật dân gian (như văn học dân gian, âm nhạc dân gian, các loại hình dân ca, kiến trúc dân gian, trang trí dân gian) và chừng mực nào đó, còn thấy cả ở phong cách và tâm lý của con người… *“Tất nhiên, những đặc trưng văn hóa kể trên không phải là lúc nào cũng biểu hiện như nhau ở tất cả các vùng văn hóa, mà thường trong một tập hợp những đặc trưng của mỗi vùng cụ thể có những đặc trưng “nổi trội”, tạo nên những nét “tính cách” riêng của vùng đó. Người nghiên cứu phải phát hiện cho được những đặc trưng nổi trội ấy, phải nhận biết cho được cái “tính cách” riêng ấy*”[[10]](#footnote-10). Chẳng hạn, đối với tiểu vùng văn hóa Đất Tổ, phải chăng đặc trưng “nổi trội” ở đây là cái cốt cách lịch sử thậm đượm vào trong tâm thức của dân gian, các di tích lịch sử, những truyền thuyết, lễ nghi, phong tục gắn liền với thời dựng nước, với các nhân vật lịch sử nửa huyền thoại như Hùng Vương, Tản Viên – Sơn Tinh, Thánh Gióng… Còn đối với tiểu vùng văn hóa Kinh Bắc thì có lẽ cái đằm thắm, tinh tế của một miền quê hầu như đã được thể hiện đầy đủ trong các làn điệu dân ca quan họ. Với tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ, xứ Quảng và xứ Đồng Nai hay Gia Định… thì người ta lại chú ý nhiều tới phong cách, tính cách của con người (tính cách xứ Nghệ, tính cách xứ Quảng, tính cách Nam Bộ…) những tính cách đó có phần tương phản nhau, nhưng lại cùng góp phần làm giàu cho cái đa đạng tính cách con người Việt Nam. Còn đối với đất Bình Định thì nét nổi trội đó là truyền thống thượng võ, là ‘miền đất võ”. Với Thăng Long – Hà Nội, đất văn vật, nghìn năm văn hiến, thì cái thâm thúy của kẻ sĩ Bắc Hà, cái hào hoa, thanh lịch của nếp sống Thượng Kinh là nét nổi bật…

Tóm lại, trong các nhân tố tạo nên đặc trưng vùng văn hóa thì tính tương đối đồng nhất về *địa lý cảnh quan* có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất của con người, tới các đặc trưng về văn hóa và tâm lý của cư dân. *Trình độ phát triển kinh tế, xã hội,* quá trình *giao lưu, ảnh hưởng* lâu dài, mật thiết giữa các dân tộc trong khu vực cũng là điều kiện tiên quyết cho sự hình thành khu vực văn hóa chung. Ngoài ra, trong các khu vực, các vùng cụ thể, thường là các dân tộc, không chỉ có mối quan hệ giao tiếp, mà còn có cùng một *nguồn gốc lịch sử*, nó khiến cho tính cộng đồng văn hóa càng rõ rệt hơn. Còn đối với những đặc trưng văn hóa chung của khu vực lịch sử - văn hóa thì chúng được thể hiện ở nhiều lĩnh vực của đời sống vật chất và tinh thần của con người, nhưng thường rõ rệt hơn cả là ở *đời sống vật chất* (như nhà cửa, quần áo, ăn uống, dụng cụ sản xuất, phương tiện giao thông, đồ dùng gia đình...), và ở những mức độ thấp hơn của *đời sống tinh thần* (như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ nghi, văn nghệ dân gian...) Một biểu hiện khác của tính cộng đồng khu vưc văn hóa là *sự gắn bó giữa các dân tộc* trong khu vực về vận mệnh trong quá trình lịch sử. Khái niệm vận mệnh lịch sử ở đây được hiểu theo nghĩa rộng,, bao gồm cả trong diễn tiến văn hóa cũng như trong đời sống chính trị xã hội...

**Kết luận**

Từ những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành sắc thái các vùng văn hóa ở Việt Nam trên đây, có thể chia thành 2 nhóm:

Nhóm yếu tố quyết định: Đó là những yếu tố về tự nhiên – khí hậu – cư dân – tộc người, sản xuất kinh tế, đời sống vật chất, truyền thống lịch sử- xã hội.

Nhóm yếu tố biểu hiện: Đó là những yếu tố thuộc về phong tục- lối sống, giao lưu văn hóa, sinh hoạt tinh thần, ngôn ngữ - nghệ thuật.

Để nhận biết về một vùng văn hóa (hay tiểu vùng văn hóa), người ta thường nhận thức thông qua các yếu tố biểu hiện nói trên. Nhưng yếu tố biểu hiện ấy được quyết định bởi những yếu tố về mặt địa lý và lịch sử, và nó được hình thành trong sự phát triển của lịch sử, mà định hình là ở thời điểm ta xem xét. Trong phân vùng văn hóa cần có sự tập hợp đầy đủ các tiêu chí. Càng tập hợp được nhiều yếu tố thì càng có tiền đề và điều kiện tốt nhất để phân vùng văn hóa một cách chính xác. Tuy nhiên, trong tập hợp các tiêu chí không phải là tất cả mọi loại tiêu chí đều có giá trị như nhau cho mỗi vùng văn hóa (hay tiểu vùng văn hóa). Và điều quan trọng là phải tìm ra cho được cái kết cấu thích hợp giữa các tiêu chí, tức là sắp xếp thứ tự các tiêu chí đó như thế nào cho phù hợp với những đặc trưng của từng vùng văn hóa.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1- Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

2- Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (2018), Các vùng văn hóa Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

3- Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006

4- Ngô Đức Thịnh (2019): *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam¸* Nxb Giáo dục, Hà Nội

5- Ngô Đức Thịnh (2019), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh

*----------------------------------------------*

Thông tin liên hệ:

Lê Thị Thanh Giao

Khoa Du lịch – Đại học Huế

22 Lâm Hoằng – Vĩ Dạ - Thành phố Huế

E-mail: thanhgiao229@gmail.com

Điện thoại di động: 0933567067

1. \* Giảng viên Khoa Du lịch - Đại học Huế

 Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.17. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ngô Đức Thịnh (2019): *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam¸* Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.15 [↑](#footnote-ref-2)
3. Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.19-20 [↑](#footnote-ref-3)
4. Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006, tr.651 [↑](#footnote-ref-4)
5. Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.33 [↑](#footnote-ref-5)
6. Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006, tr.653 [↑](#footnote-ref-6)
7. Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.35 [↑](#footnote-ref-7)
8. Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.37 [↑](#footnote-ref-8)
9. Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006, tr.655 [↑](#footnote-ref-9)
10. Huỳnh Công Bá (2019): *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng – tiểu vùng ở Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.39 [↑](#footnote-ref-10)